CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ
KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ KHOÁNG SẢN QUẢNG NAM

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Luật Chứng khoán số số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Điều lệ Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam;

Trên cơ sở xem xét:

- Tờ trình số: 07/ĐHCĐ/TT-HĐQT ngày 05/04/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kỹ nghệ khoáng sản Quảng Nam và dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam ngày 26/04/2023 quyết định thông qua Quy chế này, để quy định về quản trị nội bộ của Công ty,

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Mục đích: Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "**Quy chế**") đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm mục đích:

1.1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;

1.2. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông và những người có liên quan;

1.3. Thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, người quản lý khác của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam;

1.4. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung chủ yếu sau:

2.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

2.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;

2.3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc;

2.4. Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty và quy định hiện hành của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. "Công Ty": là Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam.

b. "Điều lệ": là Điều lệ của Công Ty được Đại hội đồng Cổ đông Công Ty thông qua tùy từng thời điểm.

c. "Cổ đông": là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty.

d. "Đại hội đồng Cổ đông" hoặc "Đại hội": là Đại hội đồng Cổ đông Công Ty.

đ. "Người có liên quan": là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

f. "Người quản lý Công Ty": là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

g. "Người điều hành Công Ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

h. "Bỏ phiếu điện tử" là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

i. "Bỏ phiếu truyền thống" là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vị trí, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công Ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công Ty và Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Hội đồng quản trị họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình Đại hội trong thời hạn quy định tại Điều lệ Công Ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các công việc theo quy định tại Điều lệ Công Ty để thực hiện việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông thực hiện việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều 16 Điều lệ Công Ty.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 6. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công Ty.

Điều 7. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công Ty.

2. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ và quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và tùy thuộc tình hình và điều kiện thực tế của Công Ty.

Điều 9. Bỏ phiếu điện tử

1. Trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cho phép và pháp luật có quy định cụ thể, theo quyết định của Hội đồng quản trị, Công Ty có thể tiến hành việc bỏ phiếu điện tử để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bỏ phiếu điện tử của các cổ đông được thực hiện tại các đợt thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công Ty trong năm tài chính;

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp;

- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

- Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có);

- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

- Kết quả giám sát đối với các người điều hành khác;

- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;

- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty;

- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công Ty công ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công Ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công Ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác;

- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công Ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ và Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 26 Điều lệ Công Ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

2.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.

2.3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

2.4. Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công Ty.

Điều 14. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị

1. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm viên chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công Ty.

Điều 15. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Trong trường hợp cần thiết và vì lợi ích của Công Ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu có liên quan đến nội dung xin ý kiến phải gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước ngày hết hạn trên Phiếu lấy ý kiến, ngoại trừ những trường hợp khẩn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đúng hạn. Phiếu lấy ý kiến không được gửi lại hoặc gửi lại không đúng hạn được coi là không tham gia biểu quyết.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công Ty có trách nhiệm kiểm phiếu và lập Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị. Biên bản cần nêu rõ các nội dung cần lấy ý kiến, các vấn đề được thông qua, số phiếu đồng ý, không đồng ý và có ý kiến khác hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề, họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thư ký Công Ty.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan đến các vấn đề xin ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

6. Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 16. Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và các vấn đề mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công Ty.

Điều 17. Hoạt động của Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc hoạt động

a. Các quyết định của Tiểu ban được thông qua theo nguyên tắc đa số. Việc biểu quyết có thể thực hiện trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thực hiện qua các phương tiện điện tử phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty.

b. Các quyết định của Tiểu ban phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty.

c. Các hoạt động của Tiểu ban phải bảo vệ, nâng cao tối đa quyền và lợi ích của Công Ty

2. Trách nhiệm của Tiểu ban

a. Tham mưu, tư vấn, hộ trợ Hội đồng quản trị trong lĩnh vực được phân công, trong việc xây dựng hệ thống quản trị điều hành Công Ty.

b. Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Xây dựng cơ cấu tổ chức, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ hợp lý giữa các thành viên trong tiểu ban; Phối hợp với các tiểu ban, Người điều hành, các Bộ phận chuyên môn của Công Ty để hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao.

d. Kịp thời cập nhật kiến thức, tình hình thực tế trong lĩnh vực phụ trách theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị để thông báo tới Người điều hành, các Bộ phận chuyên môn của Công Ty nhằm hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng công việc, phòng ngừa rủi ro.

e. Báo cáo về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ cụ thể định kỳ và bất thường theo yêu cầu của Hôi đồng quản trị.

f. Các trách nhiệm khác quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của tiểu ban.

CHƯƠNG IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 18. Tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và điều kiện làm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a) Các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Kế toán năm 2015;

b) Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

d) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 03 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

e) Do Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu với Hội đồng quản trị.

3. Người điều hành khác:

a) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành quy định của pháp luật và của Công Ty;

c) Là người có trình độ chuyên môn, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

4. Các tiêu chuẩn cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ vị trí Tổng giám đốc) do Tổng giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 19. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác làm Tổng giám đốc.

2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

- Tổng giám đốc có quyền giới thiệu để Hội đồng quản trị xem xét, bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

3. Theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc theo đề xuất của từ ½ số thành viên Hội đồng quản trị trở lên, khi xem xét việc bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị. Trường hợp ứng viên được trên 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí thông qua thì Hội đồng quản trị ra Nghị quyết bổ nhiệm vị trí đã biểu quyết.

Điều 20. Bổ nhiệm lại chức vụ của Người điều hành Công Ty

1. Khi Người điều hành Công Ty kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Việc bổ nhiệm lại được thực hiện căn cứ vào hiệu quả công việc của nhiệm kỳ trước của người điều hành đó.

Điều 21. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành Công Ty

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm Người điều hành Công Ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với người điều hành. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với các người điều hành khác theo uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn và các nội khác theo quy định

của pháp luật lao động.

Điều 22. Miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành Công Ty

1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm người điều hành trong trường hợp sau:

a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;

b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công Ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

d. Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm người điều hành.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 23. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công Ty

Việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công Ty được thực hiện trong nội bộ Công Ty và theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V
BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Đại hội đồng cổ đông về các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Ban kiểm soát xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ của Công Ty.

Điều 25. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công Ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Điều 26. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. Yêu cầu phải được lập thành văn bản.

4. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ban kiểm soát không được gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công Ty.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 27. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công Ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Trong phạm vi quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công Ty và Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị được quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công Ty, không bao gồm những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể phân cấp/ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định, ký kết các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc là người điều hành công việc hàng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao/ủy quyền.

4. Tổng giám đốc thực hiện các công việc, ký các văn bản, giao dịch, hợp đồng của Công Ty và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các công việc đã thực hiện.

5. Tổng giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc huỷ bỏ thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải

chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

7. Tổng giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả của từng kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ nghị quyết bãi nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 28. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

2. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc và người điều hành khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên này được quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 29. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền và phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị khi được yêu cầu. Tổng giám đốc không được ủy quyền lại nếu không được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 30. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi công việc và thông tin, hỗ trợ, tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện trách nhiệm của mỗi bên theo đúng quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công Ty và quy định của pháp luật.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi bên.

3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự, trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng

bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

CHƯƠNG VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 31. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, các người điều hành khác.

2. Nguyên tắc đánh giá: khách quan, trung thực, công bằng. Bằng chứng của kết quả đánh giá phải được gửi đến thành viên liên quan.

3. Kết quả đánh giá phải được lưu lại và làm cơ sở cho lần đánh giá kế tiếp.

4. Tiêu chí đánh giá thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lần tham dự các kỳ họp định kỳ và bất thường;
- Mức độ hoàn thành công việc theo phân công;
- Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian đánh giá (nếu có).

5. Tiêu chí đánh giá Tổng giám đốc và người điều hành khác

- Kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Hiệu quả điều hành, quản trị;
- Việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian đánh giá (nếu có).

Điều 32. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá, Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị và đề xuất khen thưởng thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Hình thức khen thưởng

a. Bằng tiền.

b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của Công Ty và nguồn khác phù hợp quy định của pháp luật.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 33. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công Ty. Thành